

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

Số: 3283/TCHQ-GSQL

V/v mã loại hình XNK trên hệ thống VNACCS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2014

Kính gửi: Cục Hải quan các tỉnh, thành phố.

Để thực hiện thống nhất việc khai báo đối với chỉ tiêu mã loại hình trên hệ thống VNACCS, Tổng cục Hải quan đã đưa Bảng mã loại hình và Bảng hướng dẫn sử dụng và so sánh với mã loại hình đang áp dụng trên hệ thống hiện nay lên website Hải quan tại chuyên mục VNACCS, Tổng cục Hải quan hướng dẫn như sau:

Đề nghị Cục Hải quan tỉnh, thành phố chỉ đạo các đơn vị trực thuộc chủ động nghiên cứu, hướng dẫn doanh nghiệp khai báo chỉ tiêu “Mã loại hình” khi làm thủ tục hải quan. Trường hợp có vướng mắc phát sinh, đề nghị Cục Hải quan tỉnh kịp thời tổng hợp, phản ánh về Tổng cục Hải quan (Cục Giám sát quản lý về Hải quan) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị thuộc và trực thuộc TCHQ (để t/hiện);
- Lưu: VT, GSQL(3b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Vũ Ngọc Anh

MÃ TÀI KHOẢN THU NỘP NGÂN SÁCH TƯƠNG ỨNG MÃ LOẠI HÌNH TRÊN HỆ THỐNG VNACCS

(Ban hành kèm theo Công văn số: 3283/TCHQ-GSQL ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Tổng cục Hải quan)

STT	MÃ LOẠI HÌNH		MÃ TÀI KHOẢN NGÂN SÁCH
1	A11	Nhập kinh doanh tiêu dùng	Tài khoản thu nộp ngân sách
2	A12	Nhập kinh doanh sản xuất	Tài khoản thu nộp ngân sách
3	A21	Chuyển tiêu thụ nội địa từ nguồn tạm nhập	Tài khoản thu nộp ngân sách
4	A31	Nhập hàng XK bị trả lại	Tài khoản thu nộp ngân sách
5	A41	Nhập kinh doanh của doanh nghiệp đầu tư	Tài khoản thu nộp ngân sách
6	A42	Chuyển tiêu thụ nội địa khác	Tài khoản thu nộp ngân sách
7	E11	Nhập nguyên liệu của doanh nghiệp chế xuất	Tài khoản tạm gửi thuế XNK
8	E13	Nhập tạo tài sản cố định của doanh nghiệp chế xuất	Tài khoản tạm gửi thuế XNK
9	E15	Nhập nguyên liệu của doanh nghiệp chế xuất từ nội địa	Tài khoản tạm gửi thuế XNK
10	E21	Nhập nguyên liệu để gia công cho thương nhân nước ngoài	Tài khoản tạm gửi thuế XNK
11	E23	Nhập nguyên liệu gia công từ hợp đồng khác chuyển sang	Tài khoản tạm gửi thuế XNK
12	E31	Nhập nguyên liệu sản xuất xuất khẩu	Tài khoản tạm gửi thuế XNK
13	E41	Nhập sản phẩm thuê gia công ở nước ngoài	Tài khoản tạm gửi thuế XNK
14	G11	Tạm nhập hàng kinh doanh tạm nhập tái xuất	Tài khoản tạm gửi thuế XNK

BẢNG MÃ LOẠI HÌNH

(Kèm công văn số 3283/TCHQ-GSQL ngày 31 tháng 3 năm 2014)

Tổng số mã loại hình xây dựng trên hệ thống VNACCS gồm 26 mã nhập khẩu và 20 mã xuất khẩu theo bảng sau:

MÃ LOẠI HÌNH TRÊN HỆ THỐNG VNACCS			
STT	NHẬP KHẨU	STT	XUẤT KHẨU
1	“A11”: Nhập kinh doanh tiêu dùng	1	“B11”: Xuất kinh doanh; xuất khẩu của doanh nghiệp đầu tư
2	“A12”: Nhập kinh doanh sản xuất	2	“B12”: Xuất sau khi đã tạm xuất
3	“A21”: Chuyển tiêu thụ nội địa từ nguồn tạm nhập	3	“B13”: Xuất trả hàng đã nhập khẩu
4	“A31”: Nhập hàng xuất khẩu bị trả lại	4	“E42”: Xuất sản phẩm của doanh nghiệp chế xuất
5	“A41”: Nhập kinh doanh của doanh nghiệp đầu tư	5	“E44”: Dự phòng
6	“A42”: Chuyển tiêu thụ nội địa khác	6	“E46”: Hàng của doanh nghiệp chế xuất vào nội địa để gia công
7	“A43”: Dự phòng	7	“E52”: Xuất sản phẩm gia công cho thương nhân nước ngoài
8	“A44”: Dự phòng	8	“E54”: Xuất nguyên liệu gia công sang hợp đồng khác
9	“E11”: Nhập nguyên liệu của doanh nghiệp chế xuất	9	“E56”: Xuất sản phẩm gia công vào nội địa
10	“E13”: Nhập tạo tài sản cố định của doanh nghiệp chế xuất	10	“E62”: Xuất sản phẩm sản xuất xuất khẩu
11	“E15”: Nhập nguyên liệu của doanh nghiệp chế xuất từ nội địa	11	“E82”: Xuất nguyên liệu thuê gia công ở nước ngoài
12	“E21”: Nhập nguyên liệu để gia công cho thương nhân nước ngoài	12	“G21”: Tái xuất hàng kinh doanh tạm nhập tái xuất
13	“E23”: Nhập nguyên liệu gia công từ hợp đồng khác chuyển sang	13	“G22”: Tái xuất thiết bị, máy móc thuê phục vụ dự án có thời hạn
14	“E25”: Dự phòng	14	“G23”: Tái xuất hàng miễn thuế tạm nhập
15	“E31”: Nhập nguyên liệu sản xuất xuất khẩu	15	“G24”: Tái xuất khác

16	“E33”: Dự phòng	16	“G61”: Tạm xuất hàng hóa
17	“E41”: Nhập sản phẩm thuê gia công ở nước ngoài	17	“C12”: Hàng xuất kho ngoại quan
18	“G11”: Tạm nhập hàng kinh doanh tạm nhập tái xuất	18	“C22”: Hàng đưa ra khỏi Khu phi thuế quan
19	“G12”: Tạm nhập máy móc, thiết bị phục vụ thực hiện các dự án có thời hạn	19	“AEO”: Doanh nghiệp ưu tiên AEO
20	“G13”: Tạm nhập hàng miễn thuế	20	“H21”: Loại hình khác
21	“G14”: Tạm nhập khác		
22	“G51”: Tái nhập hàng đã tạm xuất		
23	“C11”: Hàng gửi kho ngoại quan		
24	“C21”: Hàng đưa vào khu phi thuế quan		
25	“AEO”: doanh nghiệp AEO		
26	“H11”: Loại khác		

BẢNG SO SÁNH MÃ LOẠI HÌNH NHẬP KHẨU TRÊN HỆ THỐNG VNACCS VÀ E - CUS

STT	VNACCS			E-CUS		Ghi chú
	Mã LH	CD	Tên	Mã LH	Tên	
1	A11		Nhập kinh doanh tiêu dùng	NKD01	Nhập kinh doanh	Sử dụng trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa để kinh doanh
			<i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng để kinh doanh thương mại đơn thuần trừ nhập hàng tiêu dùng để làm nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất hàng hóa. Bao gồm hoạt động nhập khẩu từ nước ngoài, từ Khu phi thuế quan vào nội địa.</i>	NKD02	Nhập kinh doanh dầu khí	Nhập kinh doanh của dự án dầu khí
				NKD03	Nhập kinh doanh đá quý	Nhập kinh doanh mặt hàng đá quý
				NKD04	Nhập kinh doanh gắn máy	Nhập kinh doanh xe gắn máy
				NKD06	Nhập kinh doanh ô tô	Nhập kinh doanh xe ô tô
				NKD11	Nhập kinh doanh tại chỗ	Sử dụng trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa theo hợp đồng mua bán với doanh nghiệp chế xuất hoặc với doanh nghiệp nước ngoài nhưng do doanh nghiệp Việt Nam giao hàng theo chỉ định của người thuê gia công nước ngoài; nhập sản phẩm gia công để thanh toán tiền gia công được thỏa thuận trong hợp đồng gia công; nhập sản phẩm gia công bán vào thị trường nội địa để kinh doanh (không qua sản xuất);
				NKD13	Nhập kinh doanh từ Khu Thương mại vào nội địa	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhập kinh doanh hàng hóa từ Khu Thương mại (Khu Phi thuế quan)
				NKD20	Nhập kinh doanh biên giới	Sử dụng trong trường hợp nhập hàng hóa để kinh doanh qua biên giới theo quy định QĐ 254/2006/QĐ-TTg (Lưu ý: Không phải là trao đổi cư dân

						<i>biên giới)</i>
				NGC03	Nhập gia công kinh doanh	Sử dụng trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa là thiết bị, phụ tùng, vật tư, dụng cụ cầm tay và các vật phẩm tương tự, không trực tiếp cấu thành vào sản phẩm gia công, nhập khẩu từ nước ngoài, từ khu phi thuế quan, nhập khẩu tại chỗ, theo hợp đồng gia công, nhưng doanh nghiệp phải nộp thuế và không theo dõi thanh khoản cùng hợp đồng gia công.
				NDT03	Nhập đầu tư ô tô	Nhập ô tô của doanh nghiệp đầu tư
2	A12		Nhập kinh doanh sản xuất <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng trực tiếp (bao gồm Doanh nghiệp chế xuất); hàng hóa nhập khẩu là máy móc thiết bị tạo tài sản cố định cho doanh nghiệp nhưng không được miễn thuế theo dự án đầu tư hoặc làm nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất hàng hóa (trừ các trường hợp nhập khẩu tại mã A41). Bao gồm hoạt động nhập khẩu từ nước ngoài, từ Khu phi thuế quan vào nội địa.</i>	NKD02	Nhập kinh doanh dầu khí	Nhập kinh doanh của dự án dầu khí
				NKD03	Nhập kinh doanh đá quý	Nhập kinh doanh mặt hàng đá quý
				NKD04	Nhập kinh doanh gắn máy	Nhập kinh doanh xe gắn máy
				NKD06	Nhập kinh doanh ô tô	Nhập kinh doanh xe ô tô
				NKD11	Nhập kinh doanh tại chỗ	Sử dụng trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa theo hợp đồng mua bán với doanh nghiệp chế xuất hoặc với doanh nghiệp nước ngoài nhưng do doanh nghiệp Việt Nam giao hàng theo chỉ định của người thuê gia công nước ngoài; nhập sản phẩm gia công để thanh toán tiền gia công được thỏa thuận trong hợp đồng gia công; nhập sản phẩm gia công bán vào thị trường nội địa để kinh doanh (không qua sản xuất);
				NGC03	Nhập gia công kinh doanh	Sử dụng trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa là thiết bị, phụ tùng, vật tư, dụng cụ cầm tay và các vật phẩm tương tự, không trực tiếp cấu thành vào

						sản phẩm gia công, nhập khẩu từ nước ngoài, từ khu phi thuế quan, nhập khẩu tại chỗ, theo hợp đồng gia công, nhưng doanh nghiệp phải nộp thuế và không theo dõi thanh khoản cùng hợp đồng gia công.
				NDT01	Nhập đầu tư	Hàng hóa nhập khẩu là máy móc thiết bị tạo tài sản cố định cho doanh nghiệp, được miễn thuế theo dự án đầu tư
				NDT16	Nhập đầu tư tại chỗ	Hàng hóa nhập khẩu là máy móc thiết bị tạo tài sản cố định của doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu tại chỗ.
				NDT08	Nhập đầu tư nộp thuế	Hàng hóa nhập khẩu là máy móc thiết bị tạo tài sản cố định cho doanh nghiệp nhưng không được miễn thuế theo dự án đầu tư
				NDT18	Nhập đầu tư nộp thuế tại chỗ	Hàng hóa nhập khẩu là máy móc thiết bị tạo tài sản cố định của doanh nghiệp không được miễn thuế theo dự án đầu tư được nhập khẩu tại chỗ.
				NCX03	Nhập chế xuất tiêu dùng	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp chế xuất nhập khẩu hàng hóa để phục vụ mục đích tiêu dùng trực tiếp.
3	A21		Chuyển tiêu thụ nội địa từ nguồn tạm nhập <i>Hướng dẫn: Sử dụng mã loại hình này trong trường hợp chuyển tiêu thụ nội địa hàng hóa có nguồn gốc từ tạm nhập khẩu.</i>	NKD01	Nhập kinh doanh	Theo Khoản 8 Điều 11 Thông tư số 128/2013/TT-BTC khi chuyển tiêu thụ nội địa thì phải mở tờ khai mới. Trường hợp chuyển tiêu thụ nội địa từ nguồn tạm nhập thì sử dụng mã A21. Các loại hình chuyển mục đích sử dụng khác khi chuyển mục đích sử dụng sẽ khai vào mã A42 - Chuyển tiêu thụ nội địa khác
				NKD08	Nhập kinh doanh	Sử dụng trong trường hợp

					chuyển mục đích	chuyển mục đích sử dụng từ nguồn tạm nhập.
4	A31		Nhập hàng xuất khẩu bị trả lại <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp hàng xuất khẩu bị trả lại (gồm trả lại để sửa chữa, tái chế; tiêu thụ nội địa; tiêu hủy hoặc tái xuất sang nước thứ 3 của các loại hình xuất kinh doanh thông thường, xuất sản phẩm gia công, xuất sản phẩm sản xuất xuất khẩu, xuất sản phẩm doanh nghiệp chế xuất.</i>	NKD19	Nhập hàng xuất khẩu bị trả lại	Hàng nhập khẩu là hàng đã xuất khẩu từ nội địa cho các đối tác nước ngoài, cho Khu Phi thuế quan nhưng bị trả lại nguyên trạng. <i>Lưu ý: Chuyển luồng để kiểm tra, kết luận điều kiện hoàn thuế xuất khẩu, không thu thuế nhập khẩu.</i>
				NGC23	Nhập hàng xuất gia công bị trả lại	Hàng nhập khẩu là thành phẩm của hợp đồng gia công nhưng bị nước ngoài trả lại nguyên trạng (trừ hàng gia công trả lại để tiêu hủy) <i>Lưu ý: Chuyển luồng, kiểm tra theo dõi riêng</i>
				NGC25	Nhập trả nguyên liệu không dùng hết	Nhập lại nguyên liệu thuê gia công ở nước ngoài nhưng không dùng hết <i>Lưu ý: Chuyển luồng</i>
				NGC99	Nhập gia công tạm nhập tái chế	Sản phẩm gia công đã xuất khẩu cho đối tác nước ngoài thuộc hợp đồng gia công nhưng bị trả lại để tái chế sau đó xuất đi <i>Lưu ý: Chuyển luồng kiểm tra. Khi khai đề nghị bổ sung thông tin để theo dõi như: số của tờ khai xuất khẩu ...</i>
				NSX08	Nhập trả hàng xuất sản xuất xuất khẩu	Hàng hóa đã xuất khẩu là sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu nhập sản xuất xuất khẩu bị đối tác nước ngoài trả lại nguyên trạng như khi xuất khẩu <i>Lưu ý: Chuyển luồng; khai thông tin tờ khai đã xuất khẩu để tính lại việc thanh khoản</i>

						hoặc nguyên liệu đầu vào. Khai thông tin tờ khai đó vào mã quản lý riêng của dòng hàng
				NDT05	Nhập đầu tư sửa chữa, tái chế	Sử dụng trong trường hợp nhập khẩu hàng đã xuất khẩu của doanh nghiệp đầu tư để tái chế, sửa chữa
				NDT19	Nhập trả hàng đầu tư đã xuất khẩu	Sử dụng trong trường hợp nhập khẩu hàng đã xuất khẩu của doanh nghiệp đầu tư (xuất cho đối tượng khác, tiêu hủy...)
				NTA25	Tạm nhập tái chế	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài hoặc xuất khẩu tại chỗ (xuất cho hợp đồng gia công nước ngoài, xuất cho doanh nghiệp chế xuất) nhưng bị đối tác trả lại để sửa chữa, tái chế, sau đó Xuất khẩu toàn bộ. Loại hình này cũng có thể theo dõi ở chế độ tạm G13 <i>Lưu ý: Chuyển luồng, bổ sung thêm thông tin để theo dõi được thời hạn tái chế, tái xuất.</i>
				NCX05	Nhập trả hàng xuất chế xuất	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa Xuất khẩu của doanh nghiệp chế xuất bị người mua hàng trả lại
5	A41		Nhập kinh doanh của doanh nghiệp đầu tư <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện quyền kinh doanh nhập khẩu, (áp dụng cả doanh nghiệp chế xuất thực hiện quyền kinh doanh)</i>	NKD05	Nhập đầu tư kinh doanh	Sử dụng trong trường hợp thực hiện quyền kinh doanh của doanh nghiệp đầu tư.

6	A42		Chuyển tiêu thụ nội địa khác	NKD01	Nhập kinh doanh	Thực hiện theo quy định tại Khoản 8 Điều 11 Thông tư số 128/2013/TT-BTC trừ trường hợp hàng tạm nhập tái xuất chuyển tiêu thụ nội địa.
			<i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp hàng nhập khẩu đã kê khai thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế, hàng được ân hạn thuế (loại hình sản xuất xuất khẩu) hoặc áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt sau đó thay đổi đối tượng không chịu thuế (trừ trường hợp chuyển tiêu thụ nội địa từ nguồn tạm nhập A21).</i>	NKD11	Nhập kinh doanh tại chỗ	Sử dụng đối với trường hợp nguyên phụ liệu, vật tư, phế phẩm, phế liệu dư thừa sau khi thanh khoản hợp đồng gia công bán vào nội địa
7	E11	X	Nhập nguyên liệu của doanh nghiệp chế xuất	NCX01	Nhập chế xuất sản xuất	Sử dụng trong trường hợp nhập nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp chế xuất
				NSX03	Nhập sản xuất xuất khẩu vào Khu chế xuất	Sử dụng trong trường hợp nhập nguyên liệu từ nước ngoài vào doanh nghiệp chế xuất để sản xuất xuất khẩu
				NGC09	Nhập Khu chế xuất	Sử dụng trong trường hợp nhập nguyên liệu từ nước ngoài vào doanh nghiệp chế xuất để gia công.
				NTA10	Nhập nguyên phụ liệu vào Khu chế xuất để gia công	
8	E13	X	Nhập tạo tài sản cố định của doanh nghiệp chế xuất	NDT11	Nhập đầu tư Khu chế xuất	Sử dụng trong trường hợp nhập máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định
			<i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp nhập khẩu tạo tài</i>	NDT09	Nhập đầu tư từ Việt Nam	Sử dụng trong trường hợp nhập máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của doanh nghiệp chế xuất

			<i>sản cố định của doanh nghiệp chế xuất, (bao gồm cả nhập từ nước ngoài, từ nội địa hoặc từ các doanh nghiệp chế xuất khác)</i>			từ Việt Nam
				NDT10	Nhập kinh doanh đầu tư (trong nước)	Sử dụng trong trường hợp nhập máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của doanh nghiệp chế xuất từ trong nước (giống mã NDT09)
				NDT14	Nhập đầu tư Khu công nghiệp	Sử dụng trong trường hợp nhập đầu tư máy móc, thiết bị của doanh nghiệp chế xuất trong Khu công nghiệp.
				NDT17	Nhập đầu tư liên doanh	
				NTA12	Mua hàng của nội địa (xí nghiệp Khu chế xuất)	
				NCX02	Nhập chế xuất đầu tư	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp chế xuất nhập khẩu tạo tài sản cố định.
9	E15		Nhập nguyên liệu của doanh nghiệp chế xuất từ nội địa <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp Doanh nghiệp chế xuất nhập khẩu nguyên liệu từ nội địa để sản xuất hàng xuất khẩu</i>	NSX04	Khu chế xuất mua hàng từ nội địa để sản xuất	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp chế xuất mua nguyên liệu từ nội địa vào doanh nghiệp chế xuất để sản xuất xuất khẩu
				NGC12	Nhập thành phẩm từ nội địa vào Khu chế xuất	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp chế xuất nhập sản phẩm từ nội địa làm nguyên liệu sản xuất
				NCX04	Nhập chế xuất cho mục đích khác	Nhập khác
				NGC14	Nhập chế xuất tại chỗ	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp chế xuất mua nguyên liệu từ nội địa để gia công.
				NTA09	Tái nhập thành phẩm gia công vào Khu chế xuất	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp chế xuất nhập lại thành phẩm thuê gia công từ nội địa (nếu quy định doanh nghiệp chế xuất phải mở tờ khai)

10	E21	X	Nhập nguyên liệu để gia công cho thương nhân nước ngoài	NGC01	Nhập gia công	Nhập khẩu nguyên liệu, vật tư gia công từ nước ngoài hoặc nhập tại chỗ theo hợp đồng gia công với đối tác nước ngoài
			<i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp nhập nguyên liệu để gia công cho thương nhân nước ngoài. Nguyên liệu thực hiện hợp đồng gia công có thể nhập theo chỉ định hoặc tự cung ứng từ nguồn nhập khẩu, (bao gồm cả trường hợp doanh nghiệp nội địa nhận gia công cho doanh nghiệp chế xuất)</i>	NGC08	Nội địa mua hàng của Khu chế xuất	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp gia công mua nguyên liệu từ doanh nghiệp chế xuất
				NGC13	Nhập gia công tại chỗ	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp gia công nhập sản phẩm, nguyên liệu, thuộc hợp đồng gia công và nhập khẩu nội địa theo chỉ định của người thuê gia công.
				NGC16	Nhập gia công từ Khu thương mại về nội địa	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp gia công nhập nguyên liệu từ Khu thương mại
				NGC18	Nhập nguyên liệu từ hợp đồng gia công khác	Sử dụng trong trường hợp chuyển nguyên liệu, phụ liệu, thành phẩm được chuyển từ hợp đồng khác sang
				NGC19	Nhập sản phẩm gia công chuyển tiếp từ hợp đồng gia công khác	Sử dụng trong trường hợp nhập sản phẩm từ hợp đồng gia công khác sang <i>Lưu ý: Nếu việc xuất sản phẩm gia công được thanh khoản riêng thì việc nhập này tính của một hợp đồng khác và do người thuê chỉ định nhận hàng tại Việt Nam và phải khai báo làm thủ tục hải quan bình thường.</i>
				NGC21	Nhập gia công tự cung ứng	Hàng hóa do doanh nghiệp nhận gia công tự cung ứng cho hợp đồng
	E23	X	Nhập nguyên liệu gia công từ hợp đồng khác chuyển sang <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp</i>	NGC18	Nhập nguyên liệu từ hợp đồng gia công khác	Sử dụng trong trường hợp chuyển nguyên liệu, phụ liệu, thành phẩm được chuyển từ hợp đồng khác sang

			<i>chuyển nguyên liệu từ hợp đồng khác sang</i>			
11	E31	X	Nhập nguyên liệu sản xuất xuất khẩu <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu</i>	NSX01	Nhập để sản xuất xuất khẩu	Hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu
				NSX02	Nhập đầu tư sản xuất xuất khẩu	Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (trừ doanh nghiệp chế xuất) nhập nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu
				NSX06	Nhập sản xuất xuất khẩu tại chỗ	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhập nguyên liệu từ doanh nghiệp chế xuất, sản phẩm của doanh nghiệp gia công để sản xuất xuất khẩu
				NSX07	Nhập nguyên liệu vào kho bảo thuế để sản xuất xuất khẩu	Sử dụng trong trường hợp nhập nguyên liệu vào kho bảo thuế để sản xuất xuất khẩu
12	E41		Nhập sản phẩm thuê gia công ở nước ngoài <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp Việt Nam nhập lại sản phẩm sau khi thuê nước ngoài gia công, (bao gồm cả trường hợp doanh nghiệp Việt Nam thuê doanh nghiệp chế xuất thực hiện gia công)</i>	NGC22	Nhập hàng hóa đặt gia công tại nước ngoài	Nhập khẩu hàng hóa là thành phẩm thuê nước ngoài gia công khi đưa về Việt Nam
13	G11		Tạm nhập hàng kinh doanh tạm nhập tái xuất <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu để kinh doanh tái xuất. Bao gồm</i>	NTA01	Tạm nhập tái xuất	Hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài, từ Khu phi thuế quan theo chế độ tạm để tái xuất thông thường
				NTA24	Tạm nhập xăng dầu	
				NTA29	Tạm nhập hoán đổi xăng dầu tái	

		<i>các trường hợp kinh doanh tạm nhập tái xuất với nước ngoài hoặc khu Khu phi thuế quan, doanh nghiệp chế xuất</i>		xuất	
14	G12	Tạm nhập máy móc, thiết bị phục vụ dự án có thời hạn <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp (bao gồm doanh nghiệp chế xuất) thuê mượn máy móc, thiết bị từ nước ngoài hoặc từ các Khu phi thuế quan đưa vào Việt Nam.</i>	NTA11	Nhập đầu tư tạm nhập thi công	Thuê mượn máy móc, thi công
			NTA15	Nhập đầu tư tạm nhập	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tạm nhập máy móc thiết bị, phương tiện phục vụ dự án có thời hạn tại Việt Nam
			NTA03	Tạm nhập tàu biển	
15	G13	Tạm nhập miễn thuế <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp nhập khẩu máy móc thiết bị do người thuê gia công cung cấp phục vụ hợp đồng gia công; máy móc thiết bị chuyển từ hợp đồng gia công này sang hợp đồng gia công khác; nhập hàng mẫu, hàng triển lãm, quảng cáo... miễn thuế; nhập hàng hóa bán trong doanh nghiệp miễn thuế</i>	NGC04	Nhập gia công tạm nhập	Máy móc thiết bị nhập khẩu từ nước ngoài, nhập tại chỗ theo hợp đồng gia công để thực hiện hợp đồng gia công và tái xuất sau khi kết thúc hợp đồng gia công
			NGC02	Nhập đầu tư gia công	Máy móc thiết bị nhập khẩu từ nước ngoài, nhập tại chỗ theo hợp đồng gia công để thực hiện hợp đồng gia công và tái xuất sau khi kết thúc hợp đồng gia công
			NGC13	Nhập gia công tại chỗ	Đối với trường hợp máy móc, thiết bị được nhập khẩu từ nội địa theo chỉ định của người thuê gia công
			NGC20	Nhập máy móc thiết bị từ hợp đồng gia công khác sang	Hàng là máy móc thiết bị chuyển từ hợp đồng khác sang, trước khi chuyển phải làm thủ tục tái xuất mã G23 - Tái xuất hàng miễn thuế tạm nhập
			NTA14	Nhập triển lãm,	

					hàng mẫu, quảng cáo...	
				NTA 15	Nhập đầu tư tạm nhập	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tạm nhập hàng hóa thuộc đối tượng được miễn thuế.
				NGC07	Hàng hóa tạm nhập vào Khu chế xuất	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa tạm nhập vào Khu chế xuất để thực hiện việc gia công
				NTA 16	Nhập đầu tư kinh doanh cửa hàng miễn thuế	
				NTA 19	Nhập hàng bán tại cửa hàng miễn thuế	
16	G14		Tạm nhập khác <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong các trường hợp tạm nhập khác chưa được chi tiết tại các mã tạm</i>	NTA07	Tạm nhập ủy thác	
				NTA08	Tạm nhập viện trợ	
17	G51		Tái nhập hàng đã tạm xuất <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp nhập lại những hàng hóa đã xuất theo chế độ tạm.</i>	NGC24	Nhập máy móc thiết bị tái nhập	Sử dụng trong trường hợp tạm xuất máy móc thiết bị cho hợp đồng gia công tại nước ngoài
				NGC06	Hàng hóa tái nhập vào Khu chế xuất	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa tạm xuất đi nay tái nhập lại
				NDT19	Nhập trả hàng đầu tư đã xuất khẩu	Trường hợp xuất khẩu ra nước ngoài theo chế độ tạm thì khi nhập khẩu về sẽ sử dụng mã này; trường hợp xuất khẩu B11 thì nhập khẩu lại sẽ dùng mã A31
				NTA02	Tái nhập	Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu vào doanh nghiệp chế xuất, Khu phi thuế quan theo chế độ tạm nay nhập khẩu trở lại
				NTA04	Nhập đầu tư tái	

					nhập	
				NTA05	Tái nhập hàng xuất triển lãm	
				<i>Nguyên tắc chung khi đưa ra mã này sẽ sử dụng trong trường hợp tái nhập hàng đã xuất đi theo chế độ tạm</i>		
18	C11	X	Hàng gửi kho ngoại quan <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp đưa hàng hóa vào kho ngoại quan</i>			Trên hệ thống VNACCS hỗ trợ việc mở tờ khai nhập kho ngoại quan. (Hiện nay sử dụng tờ khai riêng, khai thủ công là chủ yếu)
				NTA06	Tạm nhập kho ngoại quan	
19	C21	X	Hàng đưa vào Khu phi thuế quan <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài, từ nội địa vào Khu phi thuế quan (khu TM Lao Bảo, Cầu Treo, Tịnh Biên, Mộc Bài)</i>	NKD14	Nhập kinh doanh từ nước ngoài vào Khu kinh tế	Sử dụng trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài vào Khu kinh tế là Khu phi thuế quan
				NKD16	Nhập kinh doanh từ nội địa vào Khu thương mại	Hàng hóa từ nội địa nhập khẩu vào bán trong Khu phi thuế quan; hàng hóa của các doanh nghiệp trong Khu phi thuế quan nhập khẩu từ nội địa
				NKD18	Nhập kinh doanh giữa các Khu phi thuế quan	Hàng hóa nhập khẩu vào Khu phi thuế quan từ Khu phi thuế quan khác; khi làm thủ tục nhập dùng mã C21, xuất mã C22
20	AEO	X	Doanh nghiệp AEO			Chưa sử dụng

BẢNG SO SÁNH MÃ LOẠI HÌNH XUẤT KHẨU TRÊN HỆ THỐNG VNACCS VÀ E-CUS

STT	VNACCS			E-CUS		Ghi chú
	Mã LH	CD	Tên	Mã LH	Tên	
1	B11	X	Xuất kinh doanh, Xuất khẩu của doanh nghiệp đầu tư <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa kinh doanh thương mại đơn thuần ra nước ngoài hoặc vào Khu phi thuế quan, doanh nghiệp chế xuất theo hợp đồng mua bán. Trừ trường hợp xuất sản phẩm gia công, sản xuất xuất khẩu, doanh nghiệp chế xuất.</i>	XKD01	Xuất kinh doanh	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa Xuất khẩu từ nội địa ra nước ngoài, cho các khu phi thuế quan theo hợp đồng mua bán (trừ loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất hoặc là tạm nhập)
				XKD02	Xuất kinh doanh dầu khí	Xuất kinh doanh của dự án dầu khí
				XKD03	Xuất kinh doanh đá quý	Xuất kinh doanh mặt hàng đá quý
				XKD04	Xuất kinh doanh xe gắn máy	Xuất kinh doanh xe gắn máy
				XKD06	Nhập kinh doanh ô tô	Xuất kinh doanh xe ô tô
			<i>Sử dụng trong trường hợp thực hiện quyền kinh doanh xuất khẩu của doanh nghiệp đầu tư trực tiếp, (bao gồm cả quyền kinh doanh của doanh nghiệp chế xuất)</i>	XKD11	Nhập kinh doanh tại chỗ	Sử dụng trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa theo hợp đồng mua bán với doanh nghiệp chế xuất hoặc với doanh nghiệp nước ngoài nhưng do doanh nghiệp Việt Nam giao hàng theo chỉ định của người thuê gia công nước ngoài. Để phân biệt hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ trên hệ thống VNACCS căn cứ vào các tiêu chí: - MST của doanh nghiệp xuất khẩu, doanh nghiệp nhập khẩu; - Nước xuất khẩu / nước nhập

					khẩu; - Địa điểm lưu giữ hàng hóa chờ thông quan;
	XKD09	Xuất kinh doanh từ nội địa vào Khu thương mại			Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp nội địa xuất kinh doanh hàng hóa vào Khu phi thuế quan
	XKD10	Xuất kinh doanh biên giới			Sử dụng trong trường hợp xuất hàng hóa để kinh doanh qua biên giới theo quy định tại Quyết định số 254/2006/QĐ-TTg <i>(Lưu ý: Không phải là trao đổi cư dân biên giới) (Bỏ vì không phát sinh kim ngạch)</i>
	XGC03	Xuất gia công kinh doanh			Hàng hóa xuất khẩu thuê gia công tại nước ngoài nhưng không phải theo dõi, thanh khoản
	XGC08	Hàng trong nội địa bán cho Khu chế xuất			Sử dụng trong trường hợp hàng hóa trong nội địa bán cho doanh nghiệp chế xuất để gia công (doanh nghiệp nội địa mở loại hình tương ứng, ở đây là xuất kinh doanh từ nội địa vào)
	XSX04	Khu chế xuất bán hàng vào nội địa để sản xuất xuất khẩu			Sử dụng trong trường hợp này doanh nghiệp chế xuất phải có quyền kinh doanh, nghiên cứu để mã riêng để quản lý việc thực hiện quyền của doanh nghiệp đầu tư
	XDT08	Xuất đầu tư gia công Khu công nghiệp			Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp nội địa xuất kinh doanh để đầu tư cho doanh nghiệp chế xuất trong Khu công nghiệp
	XDT09	Xuất đầu tư kinh doanh Khu công nghiệp			Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp nội địa xuất đầu tư cho Doanh nghiệp chế xuất trong Khu công nghiệp

				XDT10	Xuất đầu tư tại chỗ	
2	B12		Xuất sau khi đã tạm xuất <i>Hướng dẫn: Sử dụng mã loại hình này trong trường hợp doanh nghiệp đã tạm xuất hàng hóa này quyết định xuất hẳn mặt hàng này.</i>	XKD01	Xuất kinh doanh	Theo Khoản 8 Điều 11 Thông tư số 128/2013/TT-BTC khi chuyển tiêu thụ nội địa thì phải mở tờ khai mới. Trường hợp đã mở tờ khai tạm xuất nay xuất hẳn thì sẽ sử dụng mã B12 Các loại hình chuyển mục đích sử dụng khác khi chuyển mục đích sử dụng sẽ khai vào mã B11
				XTA04	Xuất đầu tư tái xuất	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp xuất hẳn hàng đầu tư đã tái xuất.
				<i>Sử dụng trong trường hợp Xuất khẩu đi theo mã tạm (G61)</i>		
3	B13	X	Xuất trả hàng đã nhập khẩu <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp hàng xuất khẩu bị trả lại (gồm trả lại để sửa chữa, tái chế; tiêu thụ nội địa; tiêu hủy hoặc tái xuất sang nước thứ 3 của các loại hình xuất kinh doanh thông thường, xuất nguyên liệu gia công, xuất nguyên liệu sản xuất xuất khẩu, nguyên liệu doanh nghiệp chế xuất, (việc áp dụng loại hình này hàng hóa phải được xuất trả nguyên trạng như khi nhập khẩu)</i>	XKD14	Xuất trả hàng đã nhập khẩu	Hàng Xuất khẩu là hàng đã nhập khẩu kinh doanh từ nước ngoài, từ Khu phi thuế quan, doanh nghiệp chế xuất nhưng phải trả lại nguyên trạng cho người bán. <i>Lưu ý: Chuyển luồng để kiểm tra, kết luận điều kiện hoàn thuế xuất khẩu, không thu thuế xuất khẩu.</i>
				XGC21	Xuất trả hàng gia công đã nhập khẩu	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa là nguyên liệu, vật tư để thực hiện hợp đồng gia công nay xuất trả lại cho người thuê gia công. <i>Lưu ý: Chuyển luồng, kiểm tra theo dõi riêng?</i>
				XSX08	Xuất trả hàng hóa nhập khẩu sản xuất xuất khẩu	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, nay trả lại nguyên trạng như khi nhập khẩu cho đối tác nước ngoài (bao gồm cả việc gửi hàng ra nước

						ngoài hoặc giao hàng trong nội địa) <i>Lưu ý: Chuyển luồng</i>
				XCX05	Xuất trả hàng nhập chế xuất	Hàng hóa của Doanh nghiệp chế xuất đã nhập khẩu nay xuất trả nguyên trạng cho đối tác nước ngoài.
				XDT11	Xuất trả hàng đầu tư đã nhập khẩu	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa là máy móc thiết bị để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư nay xuất trả cho người cung cấp ban đầu. <i>Lưu ý: Chuyển luồng</i>
				XTA02	Tái xuất	Sử dụng trong trường hợp xuất trả hàng hóa đã nhập khẩu cho chủ hàng hoặc tái xuất sang nước thứ 3
4	E42	X	Xuất sản phẩm của Doanh nghiệp chế xuất <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp xuất khẩu sản phẩm sản xuất ra của Doanh nghiệp chế xuất bao gồm cả trường hợp xuất ra nước ngoài và xuất vào nội địa.</i>	XSX03	Xuất sản xuất xuất khẩu từ Khu chế xuất	Sử dụng trong trường hợp xuất sản phẩm từ Doanh nghiệp chế xuất vào nội địa để tiếp tục sản xuất xuất khẩu.
				XCX01	Xuất chế xuất sản xuất	Sử dụng trong trường hợp xuất sản phẩm từ doanh nghiệp chế xuất ra nước ngoài.
5	E46	X	Hàng của Doanh nghiệp chế xuất vào nội địa để GC <i>(Lưu ý: Theo quy định hiện nay thì Doanh nghiệp chế xuất không phải mở tờ khai. Do vậy loại hình này chưa sử dụng)</i>	XGC12	Xuất nguyên liệu từ Khu chế xuất vào nội địa để gia công	Sử dụng trong trường hợp Doanh nghiệp chế xuất xuất nguyên liệu vào nội địa thuê gia công <i>(Hiện nay các Thông tư hướng dẫn thủ tục Doanh nghiệp chế xuất khi thuê doanh nghiệp trong nội địa gia công thì chỉ doanh nghiệp trong nội địa làm thủ tục. Như vậy, Doanh nghiệp chế xuất không phải mở tờ khai vấn đề này trao đổi xin ý kiến quản lý của các đơn vị</i>

					nên mở tờ khai hay chỉ cần thông báo cho cơ quan Hải quan biết)
				XTA10	Tạm xuất nguyên liệu vào nội địa để gia công
6	E52	X	Xuất sản phẩm gia công cho thương nhân nước ngoài <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp xuất sản phẩm cho đối tác thuê gia công ở nước ngoài. Bao gồm các trường hợp xuất sản phẩm tự cung ứng nguyên liệu, xuất sản phẩm gia công được chuyển tiếp nguyên liệu từ hợp đồng khác (bao gồm cả trường hợp doanh nghiệp nội địa xuất trả sản phẩm gia công cho Doanh nghiệp chế xuất)</i>	XGC01	Xuất gia công Sử dụng trong trường hợp xuất sản phẩm gia công cho thương nhân nước ngoài. (Trường hợp xuất nguyên liệu thuê nước ngoài gia công mã E82; trường hợp xuất trả nước ngoài chỉ định giao hàng tại Việt Nam hoặc xuất GCCC mã E56)
7	E56	X	Xuất sản phẩm gia công giao hàng tại nội địa <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp xuất sản phẩm gia công cho đối tác nước ngoài nhưng chỉ định giao hàng tại Việt Nam. Bao gồm cả trường hợp xuất sản phẩm gia công chuyển tiếp.</i>	XGC13 XGC14	Xuất gia công tại chỗ Xuất chế xuất tại chỗ Sử dụng xuất sản phẩm gia công cho nước ngoài nhưng chỉ định giao hàng tại Việt Nam. (Trường hợp xuất nguyên liệu, vật tư gia công cho đối tác nước ngoài chỉ định giao hàng tại Việt Nam sử dụng mã B13; trường hợp xuất trả thiết bị máy móc cho đối tác nước ngoài chỉ định giao hàng tại Việt Nam sử dụng mã G23) Sử dụng trong trường hợp xuất sản phẩm gia công nhưng chỉ định giao hàng tại

						Việt Nam cho Doanh nghiệp chế xuất
				XGC16	Xuất gia công từ nội địa vào Khu thương mại	Sử dụng trong trường hợp xuất sản phẩm gia công nhưng chỉ định giao hàng vào khu thương mại, khu phi thuế quan...
8	E54		Xuất nguyên liệu gia công từ hợp đồng khác sang <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp chuyển nguyên liệu, vật tư từ hợp đồng gia công này sang hợp đồng gia công khác. Không bao gồm việc chuyển thiết bị máy móc (Thiết bị máy móc khai báo bằng chế độ tạm, khi chuyển sang sẽ là xuất hàng tạm nhập G23)</i>	XGC18	Xuất nguyên liệu gia công cho hợp đồng gia công khác	Sử dụng trong trường hợp chuyển nguyên liệu từ hợp đồng gia công này sang hợp đồng gia công khác.
9	E82	X	Xuất nguyên liệu, vật tư thuê gia công ở nước ngoài <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp Việt Nam xuất nguyên liệu, vật tư thuê nước ngoài gia công. (Trường hợp xuất máy móc, thiết bị theo dõi bằng chế độ tạm- G61)</i>	XGC10	Xuất đặt gia công hàng hóa ở nước ngoài	Sử dụng trong trường hợp xuất nguyên liệu, vật tư thuê gia công tại nước ngoài.
10	E62	X	Xuất sản phẩm Sản xuất xuất khẩu <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp xuất sản phẩm được sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu</i>	X SX01 X SX02	Xuất khẩu hàng sản xuất từ hàng nhập khẩu Xuất đầu tư Sản xuất xuất khẩu	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa là thành phẩm được sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu theo mã E31. Sử dụng trong trường hợp Xuất khẩu thành phẩm được sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu của doanh nghiệp đầu tư.

				XSX06	Xuất Sản xuất Xuất khẩu tại chỗ	Sử dụng trong trường hợp xuất sản phẩm Sản xuất Xuất khẩu cho đối tác nước ngoài chỉ định giao hàng tại Việt Nam.
11	G21	X	Tái xuất hàng kinh doanh tạm nhập tái xuất <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp tái xuất hàng kinh tạm nhập tái xuất.</i>	XTA20	Tái xuất hàng tạm nhập	Sử dụng trong trường hợp tái xuất hàng hóa đã nhập theo loại hình kinh doanh tạm nhập tái xuất
				XTA16	Tái xuất xăng dầu tạm nhập	
				XTA29	Tái xuất hoán đổi xăng dầu tái xuất	
12	G22	X	Tái xuất máy móc, thiết bị phục vụ dự án có thời hạn <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp thuê mượn máy móc, thiết bị từ nước ngoài hoặc từ các khu phi thuế quan đưa vào Việt Nam nay tái xuất đi</i>	XTA11	Xuất đầu tư tái xuất thi công	Sử dụng trong trường hợp xuất trả máy móc, thiết bị đã thuê mượn
				XTA04	Xuất đầu tư tái xuất	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tái xuất máy móc thiết bị, phương tiện phục vụ dự án có thời hạn tại Việt Nam
				XTA03	Tái xuất tàu biển	
13	G23	X	Tái xuất miễn thuế hàng tạm nhập <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp tái xuất máy móc thiết bị do người thuê gia công cung cấp phục vụ hợp đồng gia công; máy móc thiết bị chuyển từ hợp đồng gia công này sang hợp đồng gia công khác; tái xuất hàng mẫu, hàng triển lãm, quảng cáo... miễn thuế; xuất hàng hóa bán trong cửa hàng miễn thuế</i>	XGC13	Xuất gia công tại chỗ	Đối với trường hợp máy móc, thiết bị được xuất khẩu tại chỗ theo chỉ định của người thuê gia công
				XGC20	Xuất máy móc thiết bị từ hợp đồng gia công khác sang	Hàng là máy móc thiết bị chuyển từ hợp đồng khác sang, trước khi chuyển phải làm thủ tục tái xuất mã G23- Tái xuất hàng miễn thuế tạm nhập, bên nhận sử dụng mã G13
				XGC04	Xuất gia công tái xuất	Máy móc thiết bị tái xuất ra nước ngoài sau khi kết thúc hợp đồng gia công (nguồn từ tạm nhập vào để thực hiện hợp đồng gia công)
				XTA14	Xuất triển lãm,	Sử dụng trong trường hợp

					hàng mẫu, quảng cáo...	hàng hóa đã tạm nhập để tham gia triển lãm, quảng cáo...
				XGC06	Hàng hóa tái xuất ra nước ngoài từ Khu chế xuất	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa tạm nhập vào Khu chế xuất nay tái xuất đi
				XTA17	Xuất hàng bán tại cửa hàng miễn thuế	Sử dụng trong trường hợp tái xuất hàng hóa đã tạm nhập bán tại cửa hàng miễn thuế
				XTA18	Tái xuất hàng bán tại cửa hàng miễn thuế	Sử dụng trong trường hợp tái xuất hàng hóa đã tạm nhập bán tại cửa hàng miễn thuế
14	G24	X	Tái xuất khác <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong các trường hợp tái xuất khác chưa được chi tiết tại các mã tạm</i>	XTA08	Tạm nhập viện trợ	
15	G61	X	Tạm xuất hàng hóa <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp tạm xuất những hàng hóa ra nước ngoài, vào Khu phi thuế quan, từ Khu phi thuế quan ra nước ngoài hoặc vào theo chế độ tạm.</i>	XGC24	Xuất máy móc thiết bị ra nước ngoài thực hiện hợp đồng gia công	Sử dụng trong trường hợp tạm xuất máy móc thiết bị cho hợp đồng gia công tại nước ngoài
				XGC07	Hàng hóa tạm xuất ra nước ngoài (vào nội địa) từ Khu chế xuất	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa tạm xuất từ Khu chế xuất đi
				XTA15	Xuất đầu tư tạm xuất	Trường hợp xuất khẩu ra nước ngoài theo chế độ tạm sẽ sử dụng mã này; trường hợp xuất khẩu B11 thì nhập khẩu lại sẽ dùng mã A31
				XTA01	Tạm xuất	Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu vào Doanh nghiệp chế xuất, Khu phi thuế quan theo chế độ tạm (có thể sử dụng trong trường hợp bảo hành, bảo trì, sửa chữa hoặc tái chế)

16	C12	X	Hàng xuất kho ngoại quan <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp đưa hàng hóa ra khỏi kho ngoại quan</i>			Trên hệ thống VNACCS hỗ trợ việc mở tờ khai nhập kho ngoại quan. (Hiện nay sử dụng tờ khai riêng, khai thủ công là chủ yếu)
				XTA06	Tạm nhập kho ngoại quan	
17	C22	X	Hàng đưa ra Khu phi thuế quan <i>Hướng dẫn: Sử dụng trong trường hợp xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, ra nội địa hoặc sang khu phi thuế quan khác (Khu thương mại Lao Bảo, Cầu Treo, Tịnh Biên, Mộc Bài) từ một Khu phi thuế quan (không phân biệt loại hình)</i>	XKD12	Xuất kinh doanh từ Khu thương mại về nội địa	Sử dụng trong trường hợp xuất khẩu hàng hóa từ Khu thương mại là Khu phi thuế quan vào nội địa
				XKD13	Xuất kinh doanh từ Khu thương mại ra nước ngoài	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp trong Khu phi thuế quan xuất ra nước ngoài
				XKD14	Xuất kinh doanh giữa các Khu phi thuế quan	Hàng hóa nhập khẩu vào khu phi thuế quan từ khu phi thuế quan khác; khi làm thủ tục nhập dùng mã C21, xuất mã C22
18	AEO	X	Doanh nghiệp AEO			Chưa sử dụng